

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /DNA-CDVT

Lâm Đồng, ngày tháng 4 năm 2026

V/v: Mời báo giá vật tư, ca máy, gói dịch vụ phục vụ sửa chữa lớn các thiết bị Trạm xử lý nước B05.

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV (DNA) trân trọng cảm ơn các nhà cung cấp đã quan tâm, phối hợp, hỗ trợ DNA trong thời gian vừa qua. Hiện nay, DNA đang triển khai kế hoạch sửa chữa lớn các thiết bị Trạm xử lý nước B05 thuộc phân xưởng Nhiệt điện, DNA kính mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia báo giá các vật tư, ca máy, gói dịch vụ phần mềm phục vụ sửa chữa hạng mục nêu trên (*theo phụ lục đính kèm*).

Quý nhà cung cấp quan tâm xin gửi báo giá về một trong hai địa chỉ sau đây trước ngày 10/4/2026.

- **Địa chỉ 1:** Phòng Cơ điện - Vận tải, Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV, Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng đối với bản giấy.

- **Địa chỉ 2:** Email: dnacdv@gmail.com đối với file điện tử.

Lưu ý: Các nhà cung cấp điền đầy đủ thông tin như **phụ lục 2** kèm theo và ký tên đóng dấu đầy đủ. Trường hợp nhà cung cấp gửi trực tiếp báo giá tại văn phòng của DNA vui lòng mang theo giấy giới thiệu, CCCD của người gửi để làm thủ tục giao nhận.

Nhà cung cấp muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ Ông Phan Văn Thụy - Trưởng phòng Cơ điện - Vận tải theo số: 0986.420.905.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website công ty (đăng tải);
- Lưu: VT, CDVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Tiến Dũng

Phụ lục 1: Danh mục vật tư phục vụ sửa chữa lớn các thiết bị Trạm xử lý nước B05

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/ vị trí sử dụng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Danh mục vật tư					
1	Biến tần	ACS880-01-061A-3 + J400, điện áp: 3P, 380VAC, 30kW	Trạm xử lý nước B05	Cái	3	
2	Bộ điều khiển van	nguồn cấp: 24VDC, tín hiệu I/O: 4~20mA, sử dụng điều tiết khí nén, model: V18345-1010551001		Cái	1	
3	Bộ lọc khí nén	AU-420-15-AD41-P hoặc tương đương		Cái	1	
4	Bộ phân tích tín hiệu	Nguồn cấp: 24VDC, tín hiệu đầu ra: 4-20mA, sử dụng cho cảm biến đo độ PH, PRO-P3A1N		Cái	1	
5	Cảm biến đo mức	Dải đo công nghệ: 0~6m, Tín hiệu đầu ra: 4~20m, nguồn cấp: 24VDC, phương pháp đo: Radar, model: PS6X.2SWXETXAMKMAHAXXXXXX X hoặc tương đương		Cái	3	
6	Cảm biến đo độ PH	PC1R1A, dải đo: 0-14 PH		Cái	1	
7	Cảm biến đo lưu lượng	Dải đo: 0~160m ³ /h, tín hiệu đầu ra: 4~20m, DN150, PN16, phương pháp đo: Vortex, nguồn cấp: 24VDC, Model: VY150-000-0ABLBBE2-14JA100		Cái	2	
8	Mô đun AI	6ES7331-7KF02-0AB0		Cái	3	
9	Mô đun AO	6ES7332-5HF00-0AB0		Cái	2	
10	Mô đun DI	6ES7 321-1BL00-0AA0		Cái	2	
11	Mô đun DO	6ES7 322-1BL00-0AA0		Cái	2	
12	Mô đun truyền thông	6ES7153-2BA10-0XB0		Cái	2	
13	Rơ le trung gian	4NC+NO; điện áp cuộn hút: 24VDC, bao gồm chân đế		Cái	53	
14	Van khí động	DN100, PN10, HT200, vật liệu lớp lót: cao su NBR, bao gồm bộ định vị van, bộ điều khiển van es64: chức năng on/off, cơ cấu tác động đơn thường đóng; model van: EG6B41J-10 Hoặc tương đương		Cái	18	

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/ vị trí sử dụng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
15	Van khí động	DN150, PN10, HT200, vật liệu lớp lót: cao su NBR, bao gồm bộ định vị van, bộ điều khiển van es65: chức năng on/off, cơ cấu tác động đơn thường đóng; model van: EG6B41J-10 Hoặc tương đương	Trạm xử lý nước B05	Cái	8	
16	Van khí động	DN25, PN10, HT200, vật liệu lớp lót: cao su NBR, bao gồm bộ định vị van, bộ điều khiển van es61: chức năng on/off, cơ cấu tác động đơn thường đóng; model van: EG6B41J-10 Hoặc tương đương		Cái	1	
17	Van khí động	DN32, PN10, HT200, vật liệu lớp lót: cao su NBR, bao gồm bộ định vị van, bộ điều khiển van es61: chức năng on/off, cơ cấu tác động đơn thường đóng; model van: EG6B41J-10 Hoặc tương đương		Cái	5	
18	Van khí động	DN40, PN10, HT200, vật liệu lớp lót: cao su NBR, bao gồm bộ định vị van, bộ điều khiển van es62: chức năng on/off, cơ cấu tác động đơn thường đóng; model van: EG6B41J-10 Hoặc tương đương		Cái	6	
19	Van khí động	DN50, PN10, HT200, vật liệu lớp lót: cao su NBR, bao gồm bộ định vị van, bộ điều khiển van es62: chức năng on/off, cơ cấu tác động đơn thường đóng; model van: EG6B41J-10 Hoặc tương đương		Cái	6	
20	Van khí động	DN80, PN10, HT200, vật liệu lớp lót: cao su NBR, bao gồm bộ định vị van, bộ điều khiển van es62: chức năng on/off, cơ cấu tác động đơn thường đóng; model van: EG6B41J-10 Hoặc tương đương		Cái	6	
21	Vỏ tủ điện	2000x1200x600x2mm, thép sơn tĩnh điện		Cái	1	
22	Vỏ tủ điện	800x600x300x1.5mm, thép sơn tĩnh điện		Cái	5	
23	Cao su cứng	OHJI - Hard Rubber E-15 4mm		m2	317	
24	Sơn lót	OHJI Primer Coat		Kg	64,8	
25	Keo	OHJI Bond EW		Kg	132,3	
26	Keo	OHJI Bond N		Kg	93,2	
27	Keo	OHJI F-116	Kg	95,6		

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đôi tượng/ vị trí sử dụng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
28	Sơn lót	Interseal 670HS	Trạm xử lý nước B05	Kg	17	
29	Sơn phủ	Interthane 990		Kg	32	
30	Bu lông	M18x70mm (BL+ Đai ốc + Vòng đệm)		bộ	192	
31	Cáp điện	CXV 3x25 + 1x16mm ²		m	60	
32	Cáp điện	DVV 19x1.5mm ²		m	408	
33	Cáp điện	DVV 3x1.5mm ²		m	180	
34	Cáp điện	DVV 4x1.5mm ²		m	255	
35	Cáp điện	DVV/SC 3x1.5mm ² , chống nhiễu		m	340	
36	MCB	3P, 100A, 18kA, EZC250F3100		cái	3	
37	Ốc siết cáp	PG-11, vật liệu nhựa		cái	90	
38	Ốc siết cáp	PG-36, vật liệu nhựa		cái	10	
39	Ống dẫn khí nén	D10, Ø10xØ6.5mm; vật liệu PU		m	160	
40	Ống ruột gà lõi thép bọc nhựa	3/4'		m	280	
41	Que hàn inox	G308; 2.5mm		kg	0,324	
42	Thép ống	DN10x1.85mm; vật liệu sus304		m	160	
43	Thép ống	DN20x2.1mm; vật liệu sus304		m	15	
44	Thép ống	Ø32x2mm; Vật liệu thép mạ kẽm		m	30	
45	Van bi tay gạt	DN20; PN16; SUS304/CF8; Q11F-16P		cái	5	
46	Van điện từ	điện áp cuộn hút: 220VAC, SF5601-IP-SG2-A2		cái	50	
47	Van tiết lưu khí nén	SAS2000-02 (ren 13mm, 1/4")		cái	50	
II Danh mục ca máy thiết bị						
1	Máy hấp lưu hóa		Phục vụ thi công	ca	32	
2	Máy lột vỏ cao su			ca	29	

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/ vị trí sử dụng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
III	Danh mục gói phần mềm					
1	Mô đun phần mềm	Mô đun phần mềm vòng lặp tự động điều chỉnh lưu lượng nước cấp lò hơi sau khi xử lý	Trạm xử lý nước B05	Gói	1	
2	Mô đun phần mềm	Mô đun phần mềm vòng lặp tự động quy trình xử lý nước tại các bồn cation, anion, hỗn hợp		Gói	1	
3	Mô đun phần mềm	Mô đun phần mềm vòng lặp tự động quy trình chuẩn bị pha kiềm và axit trong quá trình hoàn nguyên		Gói	1	
4	Mô đun phần mềm	Mô đun phần mềm vòng lặp quy trình rửa ngược trong quá trình tái sinh tại bồn cation		Gói	1	
5	Mô đun phần mềm	Mô đun phần mềm vòng lặp quy trình rửa ngược trong quá trình tái sinh tại bồn anion		Gói	1	
6	Mô đun phần mềm	Mô đun phần mềm vòng lặp quy trình rửa ngược trong quá trình tái sinh tại bồn hỗn hợp		Gói	1	
7	Mô đun phần mềm	Mô đun phần mềm vòng lặp quy trình hoàn nguyên trong quá trình tái sinh tại bồn cation		Gói	1	
8	Mô đun phần mềm	Mô đun phần mềm vòng lặp quy trình hoàn nguyên trong quá trình tái sinh tại bồn anion		Gói	1	
9	Mô đun phần mềm	Mô đun phần mềm vòng lặp quy trình hoàn nguyên trong quá trình tái sinh tại bồn hỗn hợp		Gói	1	
10	Mô đun phần mềm	Mô đun phần mềm vòng lặp quy trình rửa xuôi trong quá trình tái sinh tại bồn cation		Gói	1	
11	Mô đun phần mềm	Mô đun phần mềm vòng lặp quy trình rửa xuôi trong quá trình tái sinh tại bồn anion		Gói	1	
12	Mô đun phần mềm	Mô đun phần mềm vòng lặp quy trình rửa xuôi trong quá trình tái sinh tại bồn hỗn hợp		Gói	1	
13	Mô đun phần mềm	Mô đun phần mềm vòng lặp tự động quy trình chuẩn bị pha và cấp amoniac		Gói	1	

Phụ lục 2: Mẫu biểu báo giá

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Thời gian bảo hành	Thời gian, tiến độ cung cấp	Giấy tờ kèm theo	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1												
2												
3												
Tổng cộng trước thuế:												
Thuế GTGT:												
Tổng cộng sau thuế:												
Bảng chữ:.....												

Yêu cầu khác: Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 45 ngày.